

UBND HUYỆN NẠM PỒ
TRƯỜNG PTDTBT TH CHÀ TỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 122/KH-THCT

Chà Tỏ, ngày 23 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Năm học 2024 – 2025

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 Thông tư ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 Thông tư ban hành điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đánh giá học sinh Tiểu học.

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 Thông tư ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2019 Thông tư Ban hành Quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông.

Căn cứ Văn bản số 816/BGDĐT – GDTH ngày 9/3/2022 của Bộ GDĐT Thực hiện Chương trình Tin học bắt buộc cho học sinh lớp 3,4,5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Căn cứ Văn bản số 3535/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020 - 2021;

- Căn cứ Văn bản số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020 - 2021;

- Căn cứ Văn bản số 2345/BGDĐT- GDTH ngày 7/6/2021 về Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học.

- Căn cứ Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối

với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Căn cứ Quyết định số 4080/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện Nậm Pồ;

Căn cứ Văn bản số 699/PGDDĐT-CMTH ngày 13 tháng 8 năm 2024 V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025

- Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2023 - 2024 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2024 - 2025. Trường PTDTBT TH Chà Tở xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 như sau:

PHẦN 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2023 – 2024

1. Công tác tư tưởng chính trị, thi đua

*** Công tác giáo dục chính trị tư tưởng**

- Nhà trường luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Nậm Pồ. Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chà Tở và các ban ngành đoàn thể tại địa phương về công tác giáo dục chính trị tư tưởng.

- Chi bộ trường học luôn phát huy vai trò lãnh đạo nhà trường trong công tác chính trị tư tưởng.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có tư tưởng chính trị, đạo đức tốt, luôn tin tưởng tuyệt đối vào những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nghiêm túc chấp hành các quy chế của Ngành, quy định và nội quy, quy chế của nhà trường đề ra.

- Cán bộ, giáo viên tích cực học tập nâng cao về kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục hiện nay.

- Cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ khá tốt công tác giảng dạy và công tác quản lý.

- Xã hội và cha mẹ học sinh đã nhận thức tích cực về công tác giáo dục chính trị tư tưởng nên đã hỗ trợ cho nhà trường hoạt động giáo dục. Học sinh chăm ngoan có ý thức rèn luyện và học tập.

*** Công tác thi đua**

+ Viên chức, người lao động

- Cá nhân đạt danh hiệu:

+ CSTĐ CS: 7/33 đạt 21,2%;

+ Lao động Tiên tiến: 33/33 đạt 100%

Trong đó: LĐTT được UBND huyện tặng giấy khen 10/33 đạt 30,3%

+ Tập thể

- Liên đội: Đạt Liên đội vững mạnh
- Chi bộ: Đạt chi bộ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Công đoàn trường đạt: Công đoàn vững mạnh
- Trường đạt: Tập thể lao động tiên tiến.

2. Huy động duy trì số lượng HS, Phổ cập GDTH, XMC

- Tham mưu với chính quyền địa phương, phối hợp ba cấp học tập trung huy động 100% HS trong độ tuổi đến trường, nâng cao chất lượng nhằm duy trì PCDG TH mức độ 3 một cách bền vững. Cụ thể:

- Đảm bảo công tác duy trì PC giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 2.
- Số trẻ 6 tuổi huy động vào học lớp 1: 80/80 đạt 100%.
- Số trẻ 11 tuổi được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 74/74 trẻ 11 tuổi phải phổ cập, đạt 100% .
- Duy trì số lượng đến cuối năm học 399/399 đạt 100%.

3. Chất lượng giáo dục

Tổng số học sinh tham gia đánh giá: 399 học sinh

- Chất lượng môn Toán, Tiếng Việt

STT	TSHS	Toán						Tiếng Việt					
		HTT		HT		CHT		HTT		HT		CHT	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	399	200	50,1	199	49,9	0	0	197	49,4	202	50,6	0	0

+ Kết quả về năng lực:

STT	TSHS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	399	209	52,4	190	47,6	0	0

+ Kết quả về phẩm chất:

STT	TSHS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	399	291	72,9	108	27,1	0	0

+ Số học sinh được khen thưởng trong năm học 2023 - 2024: 162 em

4. Chất lượng đội ngũ

- Kết quả họp xét đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên:

+ Tốt: 5/24 đ/c đạt tỷ lệ 20,8%,

+ Khá: 19/24 đạt tỷ lệ 79,2%,

+ Đạt: 0 đ/c;

- Kết quả xếp loại Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT:

Tốt: 1/3 đ/c đạt = 33,3%; Khá: 2/3 đ/c đạt = 66,7%;

- Kết quả đánh giá xếp loại viên chức:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 7/33 đồng chí đạt 21,2%,

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 27/33 đồng chí đạt 81,8%

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 0 đồng chí đạt 0%

5. Kết quả các Hội thi - Phong trào

Thường xuyên quan tâm đến công tác bồi dưỡng chất lượng mũi nhọn, tích cực tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động trải nghiệm lành mạnh, thi trạng Nguyên Tiếng Việt, thi Violympic, IOE Tiếng Anh các cấp. Kết quả đạt như sau:

5.1. Học sinh

- Học sinh đạt giải thi Violympic: Vòng trường 18 giải; Vòng huyện: 11 giải; Vòng tỉnh: 02 giải.

- Học sinh đạt giải thi Trạng Nguyên Tiếng Việt: Vòng trường 03 giải; Vòng huyện: 01 giải.

5.2. Giáo viên

Giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi các cấp: 18 đồng chí. Trong đó:

- Giáo viên giỏi: cấp tỉnh: 01/24 đ/c đạt tỷ lệ: 4,2%; cấp huyện: 3/24 đ/c đạt tỷ lệ 12,5%; cấp trường: 11/24 đ/c đạt tỷ lệ 45,8%

- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường: 3/24 đ/c đạt tỷ lệ 12,5%

6. Công tác khác

6.1. Công tác quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, SGK

* Công tác quản lý và sử dụng cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất khá khang trang, sạch đẹp, thoáng mát tạo điều kiện cho học sinh được học tập, sinh hoạt thoải mái. Tuy nhiên, một số hạng mục bắt đầu xuống cấp nên phải mất nhiều kinh phí sửa chữa, tu bổ.

+ Tổng số phòng học: 15 phòng với đầy đủ bàn ghế, hệ thống chiếu sáng, quạt trần.

+ Các phòng chức năng: phòng máy vi tính (01 phòng với 14 máy/phòng), phòng Thư viện, phòng Thiết bị. Tất cả các phòng đều được trang bị các thiết bị đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, học tập của giáo viên, học sinh.

+ Các phòng làm việc: Phòng Hiệu trưởng, phòng chuyên môn (phó hiệu trưởng), phòng Tài vụ đều được trang bị máy vi tính kết nối mạng internet.

+ Trường có hàng rào kiên cố. Sân trường có cây xanh và các bồn hoa tạo cảnh quang mát mẻ, sạch đẹp để HS rèn luyện thân thể và tham gia các hoạt động tập thể.

* Sách giáo khoa, thiết bị dạy học

Thực hiện đúng danh mục sách giáo khoa do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, đảm bảo 100% học sinh có đủ sách giáo khoa các môn học để học tập.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra công tác bảo quản và sử dụng thiết bị đáp ứng yêu cầu tổ chức giảng dạy và an toàn trường học. Năm học 2023-2024 đảm bảo yêu cầu 01 bộ thiết bị/01 lớp

6.2. Công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc

Phát huy và nâng cao kết quả đã đạt được trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường; Tiếp tục thu thập, bổ sung, cập nhật các thông tin, minh chứng cho các chỉ số, tiêu chí của các tiêu chuẩn theo Thông tư số:17/2018/TT- BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học. Thực hiện cải tiến chất lượng để phấn đấu hoàn thành nội dung yêu cầu các tiêu chí về Cơ sở vật chất và Chất lượng đội ngũ.

6.3. Công tác kiểm tra nội bộ

- Năm học 2023 - 2024, nhà trường đã xây dựng và thực hiện được kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học theo đúng quy định và thực hiện đạt hiệu quả kế hoạch đề ra. Các chỉ tiêu biện pháp luôn được quan tâm và chú trọng, góp phần trong việc thực hiện nâng cao hiệu quả giáo dục.

- Căn cứ vào kế hoạch đã xây dựng, Ban kiểm tra nội bộ nhà trường đã tiến hành các cuộc kiểm tra nội bộ nhà trường: cụ thể như sau:

+ Kiểm tra trách nhiệm quản lý, việc thực hiện nhiệm vụ được giao của người đứng đầu cơ sở giáo dục.

+ Kiểm tra việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Việc tổ chức các hoạt động STEM trong trường có học sinh tiểu học.

+ Kiểm tra công tác phân công, sử dụng đội ngũ; Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ đạt chuẩn theo quy định; Việc thực hiện nhiệm vụ được giao của nhà giáo, nền nếp tổ chức, dạy học; Công tác BDTX đối với giáo viên, CBQL.

+ Kiểm tra việc tổ chức tuyển sinh đầu cấp; Huy động và duy trì số lượng theo KH giao.

+ Kiểm tra công tác quản lý tài chính, việc thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh, nhà giáo, CBQL và người lao động; việc tổ chức dạy thêm, học thêm; quản lý, thu và sử dụng các khoản thu theo quy định, các khoản thu ngoài ngân sách.

+ Kiểm tra việc thực hiện quy định về công khai; thực hiện quy chế làm việc, quy chế dân chủ ở cơ sở.

+ Kiểm tra công tác bán trú; công tác chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh; công tác tư vấn tâm lý học đường và hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoài giờ chính khóa.

+ Kiểm tra hoạt động, sinh hoạt của tổ/khối/nhóm chuyên môn.

+ Kiểm tra việc mua sắm, sử dụng, bảo quản tài sản, thiết bị dạy học tối thiểu.

+ Kiểm tra công tác xây dựng thư viện trong cơ sở giáo dục phổ thông.

+ Kiểm tra việc thực hiện các quy định về trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích tại các cơ sở giáo dục.

+ Kiểm tra hoạt động của bộ phận văn thư, hành chính, y tế học đường.

+ Kiểm tra công tác thực hiện nhiệm vụ về PCGD, XMC.

+ Thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo,

7. Tồn tại, hạn chế

- Việc quan tâm đến bồi dưỡng, phát triển tư duy qua từng tiết học của buổi hai ở một số giáo viên còn hạn chế.

- Một số giáo viên dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 chưa đầu tư nhiều cho tiết học, một số giáo viên chưa mạnh dạn điều chỉnh tài liệu hướng dẫn học cho phù hợp với đối tượng học sinh. Kiểm soát chất lượng của cá nhân, nhóm ở một bộ phận giáo viên chưa thật kịp thời và hiệu quả. Việc tích hợp giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh trong các môn học còn nhiều hạn chế.

- Việc áp dụng sau chuyên đề của một số giáo viên chưa đạt hiệu quả cao. Việc nghiên cứu, tiếp cận và thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT (chương trình tổng thể, chương trình môn học) của đội ngũ giáo viên còn hạn chế, hiệu quả chưa cao.

- Học sinh nhà trường là con em gia đình tại vùng sâu vùng xa nên dạy học qua internet, trên truyền hình cũng gặp rất nhiều khó khăn vì điều kiện công nghệ thông tin yếu, thiếu không đảm bảo.

- Một số phụ huynh chưa quan tâm đến việc phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

- Kinh phí XHHGD phục vụ cho các hoạt động dạy- học của nhà trường còn hạn chế.

PHẦN II: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2024-2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương.

Xã Chà Tở - huyện Nậm Pồ, là xã thuộc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với xã vùng núi khó khăn thuộc chương trình 135, chương trình 30a, chương trình nông

thôn mới. Đặc biệt là được sự quan tâm của các cấp uỷ, chính quyền địa phương, đời sống của nhân dân được nâng lên, nhận thức về công tác giáo dục có sự chuyển biến tích cực. Xã Chà Tở gồm 10 bản với 4 dân tộc anh em sinh sống chủ yếu là dân tộc H'mông và dân tộc Thái, nhân dân chủ yếu sống rải rác, mặt bằng trình độ dân trí còn thấp, kinh tế chậm phát triển đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn nhân dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, chưa đáp ứng được khoa học kỹ thuật và canh tác, chăn nuôi, thay đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng còn chậm, tỉ lệ đói nghèo còn cao. Tình hình ANCT, TTATXH còn nhiều tiềm ẩn khó lường, tình hình phá rừng làm nương, mua bán nhỏ lẻ và sử dụng chất ma túy, tàng trữ sử dụng vũ khí vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, mua bán thuê mướn, trái phép đất đai.

a. Thuận lợi:

- Nhà trường luôn nhận được sự lãnh đạo sát sao của Đảng Uỷ, HĐND, UBND xã Chà Tở, sự chỉ đạo trực tiếp của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nậm Pồ, sự phối kết hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành trong xã. Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm học trước, đội ngũ CB-GV-NV đoàn kết, ham học hỏi, trình độ dân được nâng lên, nhiều GV trẻ nhiệt tình trong công tác, tạo động lực cho sự phát triển của nhà trường.

- Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và những biện pháp giáo dục của nhà trường.

- Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách đãi ngộ đối với giáo viên vùng khó khăn, chính sách cho học sinh dân tộc, học sinh con hộ nghèo, học sinh bán trú... Nhà nước đã đầu tư cơ sở vật chất cho các điểm trường từng bước khang trang thu hút học sinh đến trường ngày càng đông đều hơn.

- Công tác xã hội hoá giáo dục dần được nâng lên. Người dân đã chủ động đưa con em ra trường ra lớp, không còn tình trạng học sinh bỏ học, nghỉ học. Thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy. Đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

- Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

b. Khó khăn:

- Năm học 2024-2025 là năm học thứ năm thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhiệm vụ của nhà trường là phải cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

- Cơ sở vật chất còn thiếu thốn, chưa đồng bộ. Thiếu các phòng chức năng. Xã có nhiều điểm bản xa trung tâm, giao thông đi lại khó khăn. Địa bàn cư trú của học sinh không tập trung, nhiều em ở cách xa trường, có điểm trường

xa trung tâm trường 25 km nên tỷ lệ đi học chuyên cần chưa cao nhất là mùa mưa lũ, mùa đông giá rét.

- Điều kiện kinh tế của gia đình học sinh còn nhiều khó khăn, toàn trường có trên 60% gia đình học sinh là hộ nghèo nên sự quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất cho con em học tập còn hạn chế. 98% học sinh của trường là người dân tộc thiểu số, nhiều em vốn tiếng Việt còn hạn chế nên ngại giao tiếp, gây khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức và hoạt động nhóm.

- Phần lớn học sinh phải tham gia lao động cùng gia đình, nhiều gia đình có ruộng, nương ở xa nên một số em còn nghỉ học rải rác trong năm nhất là thời gian mùa vụ, trông coi em.

- Khoảng 20% phụ huynh chưa quan tâm đến việc học tập của con em, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và xã hội với nhà trường trong công tác giáo dục.

- Nhà trường chưa được giao quyền chủ động về công tác nhân sự, tuyển dụng giáo viên.

- Tình hình dân di dịch cư tự do, ảnh hưởng trực tiếp đến việc duy trì số lượng học sinh, chất lượng học tập và giảng dạy của thầy và trò.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024 – 2025.

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

- Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 15 lớp và 385 học sinh. Trong đó có 14 lớp Trung tâm; 1 lớp điểm Hồ Củng. Cụ thể:

Khối lớp	Kế hoạch giao		Thực hiện		Trong đó				Tỷ lệ hs/lớp
	Lớp	HS	Lớp	HS	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	Bán trú	
Khối 1	3	68	3	64	28	64		30	21,3
Khối 2	3	80	3	78	42	78	4	52	26
Khối 3	3	80	3	79	39	78		69	26,3
Khối 4	3	77	3	77	41	76		64	25,7
Khối 5	3	88	3	87	32	85		61	29
Tổng	15	393	15	385	182	381		276	25,7

- Học 2 buổi/ ngày 15 lớp = 385 học sinh.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lí.

a. Về số lượng, trình độ đào tạo:

Đội ngũ	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Ghi chú
				Th. sĩ	ĐH	CD	TC	Khác	
CBQL	3	1	2	1	2	0	0	0	
GV	24	10	21		23	1	0	0	
NV	6	1	6		2	0	3	1	
Tổng	33	14	29	1	28	1	3	1	

b. Về cơ cấu đội ngũ

- CBQL: 03, trong đó: Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 02;
- Tổng số giáo viên: 24, trong đó: Giáo viên tiểu học: 18, Tiếng Anh: 01, Âm nhạc 01, Thể dục: 02; Mỹ thuật: 01, Tin học: 01
- Tổng số nhân viên: 06 người; trong đó: Kế toán: 01; Y tế: 01; Văn thư-Thủ quỹ: 01; Thư viện: 01; Thiết bị: 01; Bảo vệ: 01

c. Về thuận lợi, khó khăn

*** Thuận lợi**

- Về đội ngũ giáo viên:
 - + Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ phải biết khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh để nâng cao chất lượng.
 - + 100% GV sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiệu quả; Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục;
 - + Đa số giáo viên làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ tốt học sinh trong dạy học và giáo dục;
 - + Nhiều giáo viên phối hợp tốt với gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh;
- Về đội ngũ nhân viên:
 - + Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường; Đa số giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, yêu nghề, có trách nhiệm cao trong công tác.
 - + Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.
- Về cán bộ quản lý:
 - + Có đủ về số lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản trị nhà trường;
 - + Có năng lực hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong công tác quản trị nhà

trường; có năng lực kết nối cộng đồng;

+ Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018;

*** Khó khăn**

- Về đội ngũ giáo viên:

+ Một số giáo viên hạn chế về kiến thức, năng lực, chưa có kỹ năng rèn học sinh.

+ Phần lớn giáo viên còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ. Một số giáo viên tuổi cao việc ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa nhanh.

- Về đội ngũ nhân viên:

+ Kỹ năng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế.

+ Nhân viên phục vụ và nhân viên bảo vệ sử dụng công nghệ thông tin chưa tốt.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

*** Về cơ sở vật chất**

- Tổng số phòng học: 15 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp. Trong đó: phòng kiên cố 15 phòng.

- Tổng số phòng học bộ môn: 03 phòng, trong đó: 01 phòng ngoại ngữ; 01 phòng Tin học; 01 phòng Nghệ thuật

- Tổng số phòng chức năng: 06 phòng, trong đó: Phòng hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01; Văn phòng: 01; Y tế: 01, Thư viện: 01; Thiết bị: 01.

- Trường có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

*** Thiết bị dạy học:**

- Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Cụ thể:

Thiết bị dạy học tối thiểu	Đơn vị tính	Tổng số	TB còn sử dụng tốt	TB hư hỏng không sử dụng được	Ghi chú
Thiết bị dạy học lớp 1	Bộ	3	3	0	
Thiết bị dạy học lớp 2	Bộ	4	4	0	
Thiết bị dạy học lớp 3	Bộ	3	3	0	
Thiết bị dạy học lớp 4	Bộ	3	3	0	
Thiết bị dạy học lớp 5	Bộ	3	3	0	
Tổng		16	16	0	

- Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu hoạt động giáo dục.

+ Tổng số máy chiếu: 8 cái (lắp cố định tại các phòng học, phòng học bộ môn, phòng Hội đồng).

+ Máy chiếu: 08 cái

+ Tủ âm loa, đài: 01 bộ

*** Điểm trường, lớp ghép**

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 1 điểm trường lẻ

Điểm trường Hô Củng có 01 lớp đơn với 21 học sinh. Phòng kiên cố 02 phòng. Trong đó sử dụng 02 phòng học. Phòng tạm: 01 làm phòng ăn, ngủ trưa cho học sinh.

*** Cơ sở vật chất phục vụ bán trú.**

- Nhà bếp và nhà ăn: Có 01 nhà bếp, 01 nhà ăn. Nhà bếp, nhà ăn đảm bảo cơ sở vật chất cho 276 học sinh ăn, nghỉ bán trú tại trường.

- Phòng ở bán trú; 25 phòng, 05 phòng bán kiên cố, 20 phòng ba cứng.

- Nhà tắm; 2 nhà = 4 phòng.

- Nhà vệ sinh: 3 nhà = 15 phòng

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

- Triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đến toàn thể cán, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh đặc biệt là phụ huynh có con học lớp 5 năm học 2024 - 2025. Tham mưu với chính quyền địa phương triển khai rộng rãi đến toàn thể nhân dân.

- 100% các lớp tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/ tuần); mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học; mỗi tiết học 35 phút.

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với tất cả các khối lớp, từ khối 1 đến khối 5.

- Thực hiện dạy Tiếng Anh cho học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo chương trình GDPT 2018 của Bộ GD&ĐT. Triển khai thực hiện kế hoạch số 160/-BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai sử dụng hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học đầu tư theo Quyết định số 4374/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2021 của Bộ GD&ĐT. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh theo kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 của Sở GD&ĐT.

- Thực hiện Chương trình Tin học bắt buộc (1 tiết/tuần) ban hành kèm theo Thông tư 32/2018.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT ngay từ lớp 1 nhằm hình thành các kỹ năng cần thiết cho công dân số, làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3, lớp 4, lớp 5.

- Nội dung giáo dục địa phương lớp 1, 2, 3, 4, 5 tỉnh Điện Biên thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 99/SGDDĐT–GDĐT ngày 19/01/2021 của Sở GD&ĐT và dạy học tích hợp trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm. Chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên được thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

- Tiếp tục triển khai giáo dục STEM ở cấp tiểu học theo hướng dẫn tại công văn số 909/BGDĐT-GDĐT ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 652/SGDDĐT- GDĐT ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học đối với 100% các đơn vị trường có học sinh tiểu học. hướng dẫn giáo viên sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TTBGDDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GD&ĐT.

- Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp 1 theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 (thời lượng 80 tiết).

- Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

- Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập:

+ Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập.

+ Học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân và theo quy định.

- Sách, tài liệu, hoạt động thư viện, thiết bị: Xây dựng tủ sách lớp học, xây dựng mô hình “thư viện thân thiện”, phát triển văn hóa đọc phù hợp điều kiện thực tế. Quan tâm đẩy mạnh việc đọc sách của học sinh tại trường. Triển khai thực hiện thiết bị dạy học tự làm.

- Các hình thức tổ chức dạy học trong năm học:

+ Đối với những môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Nhà trường tổ chức dạy học trên lớp kết hợp với dạy học tích hợp liên môn và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương đối với một số mạch kiến thức phù hợp để phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

+ Tổ chức dạy học phân hóa, dạy học tích hợp. Tổ chức dạy học trải nghiệm tập trung vào hoạt động khám phá bản thân, hoạt động rèn luyện, hoạt động phát triển quan hệ bạn bè thầy cô và những người thân trong gia đình và các hoạt động xã hội gần gũi với học sinh.

+ Thực hiện nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 01/2017/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.Vệ

sinh môi trường, tích hợp về biến đổi khí hậu, giáo dục Biển đảo Việt Nam và các nội dung giáo dục qua các bài trong các môn học: Tiếng Việt, Tự nhiên và xã hội, Lịch sử và Địa lý, Đạo đức.

+ Đối với môn học tự chọn: Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương năm học 2024 - 2025 nhà trường không thực hiện.

+ Đối với hoạt động củng cố, tăng cường: Tập trung tăng cường cho học sinh một số môn học như Toán, Tiếng Việt và phát triển văn hóa đọc ... Đảm bảo đủ 7 tiết/ngày (32 tiết/ tuần đối với lớp 1, 2, 3; 33 tiết/tuần đối với lớp 4, 5).

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên trong đơn vị được tập huấn về chương trình giáo dục phổ thông qua nhiều hình thức như học trực tuyến qua mạng, qua tự nghiên cứu tài liệu và các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức và tập huấn tại đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục cho cả năm học, cán bộ quản lý giáo viên nghiên cứu kỹ tài liệu sách giáo khoa, phân tích mạch kiến thức phù hợp với từng vùng miền, địa phương để xây dựng kế hoạch dạy học theo môn học như: các tiết học trải nghiệm theo từng môn học, các tiết dạy học theo chủ đề, các tiết ngoại khóa trong và ngoài nhà trường, hoạt động của các Câu lạc bộ, Giáo dục địa phương Việc xây dựng kế hoạch đảm bảo chi tiết cụ thể theo tuần, tháng và cả năm học.

II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

1. Mục tiêu chung

- Năm học 2024-2025 là năm học tiếp tục triển khai CTGDPT 2018 cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (CTGDPT 2018) đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5; thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình.

- Đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

- Duy trì PC GDTH mức độ 3. PC XMC mức độ 2.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Chỉ tiêu về qui mô trường lớp:

Tổng số: 15 lớp với 385 học sinh. Trong đó:

+ Khối 1: 3 lớp: 64 học sinh.

+ Khối 2: 3 lớp: 78 học sinh.

+ Khối 3: 3 lớp: 79 học sinh.

+ Khối 4: 3 lớp: 77 học sinh.

+ Khối 5: 3 lớp: 87 học sinh.

- 100% học sinh trường học 02 buổi/ngày, 09 buổi/tuần; 100% học sinh khối lớp 3, 4, 5 được học môn Tiếng Anh.

2.2.Chất lượng giáo dục

- Môn học và các hoạt động giáo dục

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Tổng số học sinh		64		78		79		77		87	
Môn học	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Tiếng Việt	HTT	30	46,9%	37	47,4%	38	48,1%	37	48,1%	42	48,3%
	HT	34	53,1%	41	52,6%	41	51,9%	40	51,9%	45	51,7%
	CHT	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
2. Toán	HTT	31	48,4%	38	48,7%	39	49,4%	38	49,4%	42	48,3%
	HT	33	51,6%	40	51,3%	40	50,6%	39	50,6%	45	51,7%
	CHT	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
3. Tiếng Anh	HTT					37	46,8%	36	46,8%	41	47,1%
	HT					42	53,2%	41	53,2%	46	52,9%
	CHT					0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
4. Đạo đức	HTT	35	54,7%	42	53,8%	42	53,2%	45	58,4%	51	58,6%
	HT	29	45,3%	36	46,2%	37	46,8%	32	41,6%	36	41,4%
	CHT	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
5. TN&XH	HTT	31	48,4%	38	48,7%	40	50,6%				
	HT	33	51,6%	40	51,3%	39	49,4%				
	CHT	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%				
6. LS&ĐL	HTT							37	48,1%	42	48,3%
	HT							40	51,9%	45	51,7%
	CHT							0	0,0%	0	0,0%
7. Khoa học	HTT							37	48,1%	43	49,4%
	HT							40	51,9%	44	50,6%
	CHT							0	0,0%	0	0,0%
8. Tin học	HTT					39	49,4%	38	49,4%	44	50,6%
	HT					40	50,6%	39	50,6%	43	49,4%
	CHT					0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
9. Công nghệ	HTT					39	49,4%	39	50,6%	44	50,6%
	HT					40	50,6%	38	49,4%	43	49,4%

		CHT					0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
10. GDTC (Thẻ dực 5)		HTT	31	48,4%	38	48,7%	40	50,6%	39	50,6%	44	50,6%
		HT	33	51,6%	40	51,3%	39	49,4%	38	49,4%	43	49,4%
		CHT	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
Nghệ thuật	11. Âm nhạc	HTT	31	48,4%	38	48,7%	40	50,6%	39	50,6%	44	50,6%
		HT	33	51,6%	40	51,3%	39	49,4%	38	49,4%	43	49,4%
		CHT	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	12. Mĩ Thuật	HTT	31	48,4%	38	48,7%	40	50,6%	39	50,6%	44	50,6%
		HT	33	51,6%	40	51,3%	39	49,4%	38	49,4%	43	49,4%
		CHT	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
13. HĐTN		HTT	31	48,4%	38	48,7%	40	50,6%	39	50,6%	44	50,6%
		HT	33	51,6%	40	51,3%	39	49,4%	38	49,4%	43	49,4%
		CHT	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%

- Những năng lực cốt lõi:

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Tổng số học sinh		64		78		79		77		87	
I. Năng lực chung	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Tự chủ và tự học	Tốt	35	54,7%	42	53,8%	42	53,2%	45	58,4%	51	58,6%
	Đạt	29	45,3%	36	46,2%	37	46,8%	32	41,6%	36	41,4%
	CCG	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	31	48,4%	38	48,7%	39	49,4%	38	49,4%	42	48,3%
	Đạt	33	51,6%	40	51,3%	40	50,6%	39	50,6%	45	51,7%
	CCG	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0	0	0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	30	46,9%	37	47,4%	37	46,8%	36	46,8%	41	47,1%
	Đạt	34	53,1%	40	51,3%	42	53,2%	41	53,2%	46	52,9%
	CCG	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
II. Năng lực đặc thù											
1. Ngôn ngữ	Tốt	30	46,9%	37	47,4%	37	46,8%	36	46,8%	41	47,1%
	Đạt	34	53,1%	40	51,3%	42	53,2%	41	53,2%	46	52,9%
	CCG	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
2. Tính toán	Tốt	31	48,4%	38	48,7%	39	49,4%	38	49,4%	42	48,3%
	Đạt	33	51,6%	40	51,3%	40	50,6%	39	50,6%	45	51,7%
	CCG	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0	0	0
3. Khoa học	Tốt	31	48,4%	38	48,7%	40	50,6%	37	48,1%	43	49,4%

	Đạt	33	51,6%	40	51,3%	39	49,4%	40	51,9%	44	50,6%
	CCG	0	0,0%	0	0	0	0	0	0,0%	0	0,0%
4. Tin học	Tốt					39	49,4%	38	49,4%	44	50,6%
	Đạt					40	50,6%	39	50,6%	43	49,4%
	CCG					0	0	0	0,0%	0	0,0%
5. Công nghệ	Tốt					39	49,4%	39	50,6%	44	50,6%
	Đạt					40	50,6%	38	49,4%	43	49,4%
	CCG					0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
6. Thẩm mỹ	Tốt	31	48,4%	38	48,7%	40	50,6%	39	50,6%	44	50,6%
	Đạt	33	51,6%	40	51,3%	39	49,4%	38	49,4%	43	49,4%
	CCG	0	0,0%	0	0	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
7. Thề chất	Tốt	31	48,4%	38	48,7%	40	50,6%	39	50,6%	44	50,6%
	Đạt	33	51,6%	40	51,3%	39	49,4%	38	49,4%	43	49,4%
	CCG	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%

- Những phẩm chất chủ yếu:

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Tổng số học sinh		64		78		79		77		87	
Phẩm chất	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Yêu nước	Tốt	48	75,0%	60	76,9%	60	75,9%	57	74,0%	66	75,9%
	Đạt	16	25,0%	18	23,1%	19	24,1%	20	26,0%	21	24,1%
	CCG	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
2. Nhân ái	Tốt	48	75,0%	60	76,9%	60	75,9%	57	74,0%	66	75,9%
	Đạt	16	25,0%	18	23,1%	19	24,1%	20	26,0%	21	24,1%
	CCG	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
3. Chăm chỉ	Tốt	45	70,3%	57	73,1%	58	73,4%	56	72,7%	63	72,4%
	Đạt	19	29,7%	21	26,9%	21	26,6%	21	27,3%	24	27,6%
	CCG	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
4. Trung thực	Tốt	45	70,3%	57	73,1%	58	73,4%	54	70,1%	63	72,4%
	Đạt	19	29,7%	21	26,9%	21	26,6%	23	29,9%	24	27,6%
	CCG	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
5. Trách nhiệm	Tốt	43	67,2%	55	70,5%	56	70,9%	54	70,1%	60	69,0%
	Đạt	21	32,8%	23	29,5%	23	29,1%	23	29,9%	27	31,0%
	CCG	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%

- Kết quả giáo dục cuối năm học:

Khối lớp	TSHS	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL	
1	64	12	18,8%	18	28,1%	34	53,1%	0	0.0%	
2	78	15	19,2%	22	28,2%	40	51,3%	0	0.0%	
3	79	16	20,3%	21	26,6%	42	53,2%	0	0.0%	
4	77	15	19,5%	21	27,3%	41	53,2%	0	0.0%	
5	87	16	18,4%	25	28,7%	46	52,9%	0	0.0%	
Tổng	385	74	19,2%	107	27,8%	203	52,7%	0	0.0%	

* Hoàn thành chương trình lớp học: 298/298 HS, đạt tỷ lệ 100%.

* Hoàn thành chương trình tiểu học: 87/87 đạt tỷ lệ 100%.

*** Tổ chức Hội thi, các phong trào và bồi dưỡng HS năng khiếu**

* Học sinh năng khiếu Mỹ thuật, Âm nhạc

Khối	Hát nhạc			Mỹ thuật		
	TSHS	SL	%	TSHS	SL	%
1	64	12	18,8%	64	12	18,8%
2	78	15	19,2%	78	15	19,2%
3	79	16	20,3%	79	16	20,3%
4	77	15	19,5%	77	15	19,5%
5	87	16	18,4%	87	16	18,4%
Tổng	385	74	19,2%	385	74	19,2%

* **Thi vẽ tranh:** 100% học sinh tham gia các cuộc thi vẽ tranh "Chiếc ô tô mơ ước", "Ý tưởng trẻ thơ", An toàn giao thông"

* Học sinh được khen thưởng: 154/385 em đạt tỷ lệ 40,3%. Cụ thể:

Khen thưởng cuối năm học:

Khối lớp	TSHS	HS Hoàn thành xuất sắc		HS tiêu biểu	
		SL	%	SL	%
1	64	12	18,8%	13	20,3%
2	78	15	19,2%	16	20,5%
3	79	16	20,3%	17	21,5%
4	77	15	19,5%	16	20,8%
5	87	16	18,4%	19	21,8%
Cộng	385	74	19,2%	81	21,0%

* Học sinh tham gia Giao lưu viết chữ đẹp cấp trường: 232/385 em đạt tỷ lệ 60,3% trở lên, cụ thể:

- Khối lớp 1: 33/64 em đạt tỷ lệ 51,6% trở lên;
- Khối lớp 2: 48/78 em đạt tỷ lệ 61,5% trở lên;
- Khối lớp 3: 49/79 em đạt tỷ lệ 62% trở lên;
- Khối lớp 4: 48/77 em đạt tỷ lệ 62,3% trở lên;
- Khối lớp 5: 54/87 em đạt tỷ lệ 62,1% trở lên.

* Số lớp có phong trào vở sạch chữ đẹp: 15/15 lớp đạt tỷ lệ 100%.

* Chỉ tiêu về thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường, trang trí lớp theo quy định (số lượng, tỷ lệ %)

- Thể dục: 385/385 HS đạt tỷ lệ 100%
- Ca múa hát đầu giờ: 385/385 HS đạt tỷ lệ 100%
- HĐTT sân trường: 385/385 HS đạt tỷ lệ 100%
- Trang phục HSHĐ: 385/385 HS đạt tỷ lệ 100%
- Trang trí lớp theo quy định: 15/15 lớp đạt tỷ lệ 100%

*Hoạt động đội thiếu niên, sao nhi đồng.

- Số HS đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ: 137/385, đạt tỷ lệ 35,6%.
- Chỉ tiêu kết nạp đội viên: 79/79 em đạt 100%.

3. Chất lượng đội ngũ

* Đánh giá, xếp loại CB, GV, NV.

- Ban giám hiệu: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 3/3 đ/c đạt tỷ lệ 100%
- Giáo viên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 5/24 đ/c đạt tỷ lệ 20,8%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 19/24 đ/c đạt tỷ lệ 79,2%; Hoàn thành nhiệm vụ: 0
- Nhân viên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 1/5 đ/c đạt tỷ lệ 20%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 4/5 đ/c đạt tỷ lệ 80%; Hoàn thành nhiệm vụ: 0

* Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 11/24 đ/c = 45,8%; cấp huyện: 6/24 đ/c = 25%. cấp tỉnh: 1/24 đ/c = 4,2%.

- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện: 4/24 đ/c đạt tỷ lệ 16,7%; cấp trường: 0/24 đ/c đạt tỷ lệ 0%

* Xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên:

- Ban giám hiệu: Tốt: 2/3 đ/c đạt tỷ lệ 66,7%; Khá: 1/3 đ/c đạt tỷ lệ 33,3%
- Chuẩn nghề nghiệp GV loại: Tốt: 5/24 đ/c = 20,8%, Khá: 19/24 đ/c = 79,2%, Đạt: 0 đ/c = 0%, Chưa đạt: 0 đ/c = 0%.

* Số SKKN công nhận cấp huyện: 6/32 đ/c đạt tỷ lệ 18,8%. Trong đó:

- Ban giám hiệu: 2/32 đ/c đạt tỷ lệ 6,3%

- Giáo viên: 4/32 đ/c đạt tỷ lệ 12,5%
- * Số SKKN công nhận cấp trường: 12/32 đ/c đạt tỷ lệ 37,5%
- Ban giám hiệu: 3/32 đ/c đạt tỷ lệ 9,4%
- Giáo viên: 8/32 đ/c đạt tỷ lệ 25%
- Nhân viên: 1/32 đ/c đạt tỷ lệ 3,1%
- * Chất lượng hồ sơ:
 - BGH: Tốt 3/3 bộ đạt tỷ lệ 100%
 - Tổ trưởng: Tốt: 03/4 bộ đạt tỷ lệ 75%
 - Giáo viên: Tốt: 24/24 bộ, đạt tỷ lệ 100%.

Số đồ dùng dạy học tự làm thêm: 24 sản phẩm.

4. Công tác bồi dưỡng thường xuyên

- Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học theo hướng dẫn tại Công văn số 2033/-SGDĐT ngày 30/7/2024 của Sở GD&ĐT; kế hoạch số 650/KH-PGDĐT ngày 05/8/2024 của Phòng GD&ĐT.

- Đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 và Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ GD&ĐT.

- Phấn đấu 100% CBQL, GV hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên.

5. Chuyên đề trường, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học:

- Chuyên đề trường:
 - + Dạy phát triển năng lực môn Tiếng Việt 5. Bồi dưỡng kiến thức Tiếng Việt
 - + Dạy học phát triển năng lực môn Toán lớp 5.
- Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học:
 - + Dạy minh họa tiết Lịch sử lớp 5
 - + Dạy minh họa Khoa học lớp 5
 - + Dạy minh họa Tiếng việt lớp 5.

6. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường tiểu học.

- Duy trì và nâng các các tiêu chí đã đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018. Thông tư Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường Tiểu học.

7. Xếp loại thi đua

- Tập thể: Trường được UBND huyện tặng giấy khen, UBND tỉnh công nhận TTXS, UBND tỉnh tặng Bằng khen, UBND tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc; Bằng khen của thủ tướng chính phủ.

- Cá nhân: UBND tỉnh tặng bằng khen: 01 đ/c; Sở Giáo dục tặng giấy khen: 01 đ/c; UBND huyện tặng giấy khen: 10 đ/c; Lao động tiên tiến: 32 đ/c; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 8 đ/c

- Các nội dung khác:

- Trường duy trì đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1

- Duy trì đạt chuẩn PC GDTH mức độ 3. Phổ cập XMC mức độ 2.

- Trường có đời sống văn hóa tốt.

- Chi bộ: Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ.

III. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học (Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình cấp tiểu học)

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với 100% các khối lớp đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Phụ lục 1.1

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK 1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	17	18	35	18	17	35	18	17
5	Tự nhiên và Xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
6	Lịch sử và Địa lí										70	36	34	70	36	34
7	Khoa học										70	36	34	70	36	34
8	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Giáo dục thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
11	Nghệ thuật (Âm nhạc)	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
12	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17

13	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
14	Tăng cường Tiếng Việt	35	18	17	35	18	17	35	18	17						
15	Đọc sách tại thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
16	Giáo dục địa phương	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10
2. Môn học tự chọn																
1	Tiếng dân tộc															
2	Ngoại ngữ (L1, 2)															
3. Hoạt động củng cố, tăng cường (Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HDGD với hình thức linh hoạt)																
1	Tiếng việt*	83	42	41	70	36	34	35	18	17	35	18	17	35	18	17
2	Toán*	70	36	34	70	36	34	13	6	7	13	6	7	13	6	7
TỔNG		1122	578	544	1107	570	537	1120	575	545	1155	594	561	1155	594	561
Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)		28			28			31			32			32		
Số tiết/tuần		32			32			33			33			33		
Số buổi dạy/ tuần		9			9			9			9			9		

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

a) Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (*Ghi chú: Căn cứ vào các điều kiện thực tế, nhà trường có thể lựa chọn các chủ điểm: Truyền thống nhà trường; Nhớ ơn Bác Hồ; Hoạt động trải nghiệm... và ghi vào cột “Chủ điểm”.*)

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
9	Truyền thống nhà trường	- Lễ khai giảng chào mừng năm học mới - Tìm hiểu truyền thống nhà trường. - Vui tết trung thu.	- Kết hợp tổ chức cùng nhà trường. - Tập trung trên sân trường nghe, trả lời các câu hỏi giao lưu để nhận quà tặng - Tổ chức cho học sinh thi làm lồng đèn, mâm ngũ quả, xem múa lân.....		- Ban giám hiệu. - TPT Đội – HS - GVCN, HS	- GV và HS toàn trường - TPTĐ - GVCN, HS, Đoàn thanh niên xã.
10	Chăm ngoan học giỏi	- Hưởng ứng: Tuần lễ học tập suốt đời. Góp sách cho tủ sách anh em. - Trang trí góc học tập ở nhà và tự chuẩn bị đồ dùng khi đến lớp.	- Phát động tuần lễ học tập suốt đời - Tham quan những góc trang trí sách của các lớp; khuyến khích ủng hộ sách		- BGH; GV, HS; cán bộ thư viện, phụ huynh - GV, HS và PH	- BGH; GV, HS; cán bộ thư viện, phụ huynh - GV, HS và PH

		- Thực hành: sử dụng điện an toàn... vui chơi an toàn; - Vệ sinh trường lớp xanh, sạch, thân thiện và an toàn.	- Tuyên truyền về vui chơi an toàn trên sân trường, cách sử dụng điện an toàn dưới hình thức tập trung và theo lớp. - HS lao động tổng vệ sinh lớp học và sân trường. - Tổ chức sinh hoạt Đội, sinh hoạt Sao.		- GV, HS và PH - Toàn trường	- GV, HS và PH - GVCN - HS
11	Nhớ ơn thầy cô	- Tìm hiểu nghề thủ công địa phương. - Sáng tạo về chủ đề thầy cô của em: - Giao lưu văn nghệ chào mừng 20/11	- HS toàn trường - HS vẽ báo tường; sưu tầm báo ảnh thi với các lớp. - Thi văn nghệ giữa các khối lớp.		- Giáo viên- HS toàn trường. - BGH, - GV- NV - GV; HS và PH	- Giáo viên và học sinh toàn trường - BGH, - GV- NV
12	Uống nước nhớ nguồn	- Học tập tác phong anh bộ đội cụ Hồ. - Giao lưu với chú bộ đội. - Thăm gia đình thương binh Liệt sĩ, thăm tặng quà một số gđ thương binh, liệt sỹ trong xã.	- Toàn trường - Nói chuyện với cựu chiến binh - BGH; TPT; Đoàn viên và 10 học sinh thăm gia đình thương binh để hỏi thăm và tặng quà.		- HS - TPT Đội, HS toàn trường - BGH; PTĐ; Đoàn thanh niên; 30 HS	- BGH, Đoàn TN, GV- NV - Giáo viên, Cựu chiến binh. - BGH; PTĐ; Đoàn thanh niên; HS

1	Chào mừng năm mới	- Các trò chơi dân gian... (thi kéo co với các khối lớp) - Tìm hiểu về Tết Nguyên đán. Tìm hiểu về lễ hội văn hóa lễ hội ở Điện Biên - Gói bánh, cắm hoa, cắt gập lì xì; ngày hội ẩm thực... - Thăm gia đình thương binh Liệt sĩ và viếng đài tưởng niệm liệt sĩ nhân dịp Tết Nguyên đán. - Thực hành : làm lì xì và Nói lời chúc mừng người thân nhân dịp Tết	- Toàn trường - Sinh hoạt dưới cờ, SHL và qua công tác chủ nhiệm - Tổ chức tập trung trên sân trường - BGH; TPT; Đoàn viên và 10 học sinh đi thăm gia đình thương binh để hỏi thăm và tặng quà. - GV nêu yêu cầu và cùng với phụ huynh hướng, kiểm tra.		- BGH, TPTĐ. - TPT Đội + GVCN + HS toàn trường. - BGH; PTĐ; Đoàn thanh niên; HS - HS ; GV - Toàn trường	- BGH, TPTĐ, GVCN và HS toàn trường – PH. - GVTPT – GVCN - HS - Phụ huynh - BGH; TPTĐ; Đoàn thanh niên; HS - GVCN – HS - PH
2	Mừng Đảng mừng Xuân	- Thực hành: Trồng cây hưởng ứng ngày Tết trồng cây.	- Ngày khai xuân mỗi thầy cô giáo và học sinh mang một cây cảnh hoặc cây ăn quả đến trường trồng.		- Toàn trường.	- Giáo viên và học sinh toàn trường

		- Thực hành phòng tránh tai nạn thương tích: an toàn bản thân, cháy nổ, chập điện....(ngoại khóa) - Kỹ năng: cách phòng tránh các bệnh thông thường.	- Sinh hoạt dưới cờ và giáo dục lòng ghép vào môn học, SHL, HS thực hành tại lớp và gia đình		- Toàn trường - Toàn trường.	- GVTPT – GVCN - HS - GVTPT – YT học đường - GVCN – HS
3	Thiếu nhi vui khỏe	- Diễn văn nghệ mừng mẹ, mừng cô. - Vẽ tranh gia đình em. - Hoạt động trải nghiệm: Gửi trọn yêu thương.	- Toàn trường. - Thực hiện trên sân trường - GV bàn với phụ huynh tổ chức cho học sinh theo khối, lớp.		- TPTĐ, BT Đoàn. - Toàn trường - Toàn trường	- TPTĐ, BT Đoàn. - GVCN – GV Mỹ thuật - HS - GVCN – TPT PH- HS
4	Mừng non sông thống nhất	Thi tìm hiểu về truyền thống lịch sử dân tộc	Học sinh khối 3,4,5		- TPT, BT	PHT; TPTĐ
5	Bác Hồ kính yêu	- Thăm gia đình có công với cách mạng tại địa phương	Tập trung		Đoàn.	CBGVNV, HS khối lớp 5

b) Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (trong trường hợp có học sinh bán trú)

ST T	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Thể dục buổi sáng	Thể dục buổi sáng	Học sinh nội trú/toàn trường		Sân trường	
2	Vệ sinh cá nhân	Đánh răng, rửa mặt, gấp chăn màn	Học sinh nội trú/toàn trường		Khu nội trú	
3	Ăn sáng	Ăn sáng	Học sinh nội trú/toàn trường		Nhà ăn	
4	Vệ sinh phòng ở, lớp học	quyết dọn nhà vệ sinh, phòng ở.	Học sinh nội trú/toàn trường		Khu nội trú, lớp học	
5	Vệ sinh cá nhân chuẩn bị ăn trưa	Rửa chân tay, chia cơm	Học sinh nội trú/toàn trường		Khu nội trú, nhà ăn	
6	Ăn trưa	Ăn trưa	Học sinh nội trú/toàn trường		Nhà ăn	
7	Dọn dẹp nhà ăn	quyết dọn	Học sinh nội trú/theo lớp		Nhà ăn	
8	Nghỉ trưa	Ngủ	Học sinh nội trú/toàn trường		Phòng ở	
9	Vệ sinh cá nhân	Rửa, mặt mũi, chân tay,	Học sinh nội trú/toàn trường		Bể nước khu nội trú	
10	Vệ sinh phòng ở, lớp học	quyết dọn	Học sinh nội trú/theo lớp		Khu nội trú, lớp học	

11	Đọc sách tại thư viện; Hoạt động TDTT, Chăm sóc vườn rau, bồn hoa	Đọc sách; TDTT, Chăm sóc vườn rau, bồn hoa	Học sinh nội trú/toàn trường		Thư viện, sân trường, vườn trường	
12	Vệ sinh cá nhân	Tắm giặt	Học sinh nội trú/toàn trường		Khu nội trú Bể nước khu nội trú	
13	Ăn tối;	Ăn tối	Học sinh nội trú/toàn trường		Nhà ăn	
14	Dọn vệ sinh nhà ăn	quyết dọn	Theo lớp		Nhà ăn	
15	Xem phim	Xem phim	Học sinh nội trú/toàn trường		Nhà ăn	
16	Học tối	Học tối	Theo lớp		Lớp học	
17	Vệ sinh cá nhân	Đánh răng, rửa mặt...	Học sinh nội trú/toàn trường		Bể nước khu nội trú	
18	Ngủ tối	Ngủ tối	Học sinh nội trú/toàn trường		Phòng nội trú	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường (Khái quát tình hình tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường (nếu có)).

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
7 giờ 15 phút - 7 giờ 30 phút	15 phút	Truy bài; sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 05 phút - 8 giờ 40 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 40 phút - 9 giờ 00 phút	20 phút	Nghỉ giữa tiết
9 giờ 00 phút - 9 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 35 phút - 10 giờ 10 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 10 phút - 10 giờ 45 phút	45 phút	Tiết 5
10 giờ 45 phút - 11 giờ 25 phút	45 phút	Ăn trưa (HS bán trú)
Buổi chiều		
13 giờ 45 phút - 14 giờ 00 phút	15 phút	Truy bài
14 giờ 00 phút - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 1
14 giờ 35 phút - 15 giờ 10 phút	35 phút	Tiết 2
15 giờ 10 phút - 15 giờ 30 phút	20 phút	Nghỉ giữa tiết
15 giờ 30 phút - 16 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 3
Hoạt động cuối ngày		
Thời gian		Nội dung
16 giờ 20 phút đến 17 giờ 00 phút	40 phút	- Tổ chức các HĐGD: Trò chơi; CLB; ... (theo nhu cầu người học)

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 và kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục (Kế hoạch giáo dục nhà trường được xây dựng đảm bảo tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; tối thiểu là 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần.)

- Thực hiện Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên:

+ Ngày tựu trường: Thứ sáu, ngày 29/8/2024 (Lớp 1 tựu trường ngày 22/8/2024)

+ Ngày khai giảng: ngày 05/9/2024

+ Học kỳ I: Từ ngày 06/9/2024 đến ngày 14/01/2025 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

+ Học kỳ II: Từ ngày 15/01/2024 đến trước ngày 24/05/2025 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

+ Ngày bế giảng năm học: Từ ngày 31/5/2024.

- Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

- Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

- Tại trường PTDTBT TH Chà Tở thời gian thực hiện chương trình năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

4.1. Đối với lớp 1

4.1.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
Sáng	1	HĐTN	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	GDTC	
	2	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán*	Toán	Tiếng Việt	
	3	Tiếng Việt	Toán*	Tiếng Việt	Âm nhạc	Tiếng Việt	
	4	Tiếng Việt	TNXH	Tiếng Việt	GDĐP	HĐTN	
Chiều	1	Toán	Tiếng Việt	Mĩ thuật	Đạo đức	SHCM (HĐTT)	
	2	TNXH	GDTC	Toán	Đọc TV		
	3	Tiếng việt*	Tiếng việt*	TCTV	HĐTN		

Tổng số tiết/ tuần: 32 tiết

TỔNG HỢP

TT	Tên hoạt động	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	420	
2	Toán	105	
3	Đạo đức	35	
4	Tự nhiên và Xã hội	70	

5	Giáo dục thể chất	70	
6	Nghệ thuật (Âm nhạc)	35	
7	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	35	
8	Hoạt động trải nghiệm	105	
9	Tăng cường Tiếng Việt	80	
10	Đọc sách tại thư viện	35	
11	Giáo dục địa phương	22	
12	Hoạt động củng cố tăng cường	110	
13	Sinh hoạt chuyên môn	54	
14	Các ngày nghỉ trong năm		
15	Tổng số tiết học kỳ I	602	
16	Tổng số tiết học kỳ II	574	

4.1.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1

- Đối với khối lớp 1 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày; mỗi ngày 7 tiết; mỗi tiết học 35 phút, thực hiện 9 buổi/tuần = 32 tiết/tuần.

- Thực hiện dạy đủ các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc, dạy tăng cường thêm môn Toán 2 tiết/tuần và Tiếng Việt 2 tiết/tuần.

4.2. Đối với lớp 2

4.2.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
Sáng	1	HĐTN	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	
	2	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Đạo đức	Tiếng Việt	
	3	Tiếng Việt	TNXH	TNXH	Tiếng Việt	Toán	
	4	Toán	GDTC	Toán	Tiếng Việt	HĐTN	

Chiều	1	Tiếng việt*	Tiếng việt*	Toán*	Âm nhạc	SHCM (HĐTT)	
	2	Mĩ thuật	Toán	Đọc TV	GDDP		
	3	Toán*	TCTV	GDTC	HĐTN		
Tổng số tiết/ tuần: 32 tiết							
TỔNG HỢP							
TT	Tên hoạt động			Số lượng tiết học		Ghi chú	
1	Tiếng Việt			350			
2	Toán			175			
3	Đạo đức			35			
4	Tự nhiên và Xã hội			70			
5	Giáo dục thể chất			70			
6	Nghệ thuật (Âm nhạc)			35			
7	Nghệ thuật (Mĩ thuật)			35			
8	Hoạt động trải nghiệm			105			
9	Tăng cường Tiếng Việt			35			
10	Đọc sách tại thư viện			35			
11	Giáo dục địa phương			22			
12	Hoạt động củng cố tăng cường			140			
13	Sinh hoạt chuyên môn			54			
14	Các ngày nghỉ trong năm						
15	Tổng số tiết học kỳ I			594			
16	Tổng số tiết học kỳ II			567			

4.2.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2

Đối với khối lớp 2 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; mỗi ngày 7 tiết; mỗi tiết học 35 phút, thực hiện 9 buổi/tuần

Thực hiện dạy đủ các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc, dạy tăng cường thêm môn Toán là 2 tiết/1 tuần và Tiếng Việt là 2 tiết/1 tuần.

4.3. Đối với lớp 3

4.3.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
Sáng	1	HĐTN	Toán	Đ.đức	GDTC	Tiếng Việt	
	2	Tiếng anh	Tiếng Việt	Tiếng anh	Toán	Toán	
	3	Tiếng Việt	Tiếng anh	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Âm nhạc	
	4	Tiếng Việt	Tin học	Tiếng Việt	TCTV	HĐTN	
Chiều	1	Toán	GDTC	Toán	Mĩ thuật	SHCM (HĐTT)	
	2	Tiếng việt*	TNXH	Công nghệ	GDĐP		
	3	TNXH	Tiếng anh	Đọc TV	HĐTN		
Tổng số tiết/ tuần: 32 tiết							
TỔNG HỢP							
TT	Tên hoạt động			Số lượng tiết học		Ghi chú	
1	Tiếng Việt			245			
2	Toán			175			
3	Tiếng Anh			140			
4	Đạo đức			35			
5	Tự nhiên và Xã hội			70			
6	Tin học			35			
7	Công nghệ			35			
8	Giáo dục thể chất (Thể dục lớp 5)			70			
9	Nghệ thuật (Âm nhạc)			35			
10	Nghệ thuật (Mĩ thuật)			35			

11	Hoạt động trải nghiệm	105	
12	Tăng cường Tiếng Việt	35	
13	Độc thư viện	35	
14	Giáo dục địa phương	22	
15	Hoạt động củng cố tăng cường	48	
16	Sinh hoạt chuyên môn	54	
17	Các ngày nghỉ trong năm		
18	Tổng số tiết học kỳ I	599	
19	Tổng số tiết học kỳ II	575	

4.3.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3

Đối với khối lớp 3 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức dạy học dạy học học 2 buổi/ngày; mỗi ngày 7 tiết; mỗi tiết học 35 phút, thực hiện 9 buổi/tuần

- Thực hiện dạy đủ các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc, thực hiện dạy tăng cường thêm môn Toán và Tiếng Việt là 2 tiết/1 tuần.

4.4. Đối với lớp 4

4.4.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
Sáng	1	HĐTN	Toán	Tiếng Việt	Toán	Tiếng anh	
	2	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán	
	3	Tiếng Việt	Lịch sử	Toán	Tiếng Việt	Khoa học	
	4	Tiếng anh	Tiếng anh	Công nghệ	Tiếng anh	Tiếng việt*	
	5					HĐTN	
Chiều	1	Toán	Khoa học	Đạo đức	GDPĐ	SHCM (HĐTT)	
	2	Đọc TV	GDTC	Địa lý	Tin học		
	3	Âm nhạc	Mĩ thuật	GDTC	HĐTN		
Tổng số tiết/ tuần: 33 tiết							

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	Tên hoạt động	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	245	
2	Toán	175	
3	Tiếng Anh	140	
4	Đạo đức	35	
5	Lịch sử và Địa lí	70	
6	Khoa học	70	
7	Tin học	35	
8	Công nghệ	35	
9	Giáo dục thể chất (Thể dục lớp 5)	70	
10	Nghệ thuật (Âm nhạc)	35	
11	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	35	
12	Hoạt động trải nghiệm	105	
13	Độc thư viện	35	
14	Giáo dục địa phương	22	
15	Hoạt động củng cố tăng cường	48	
16	Sinh hoạt chuyên môn	54	
17	Các ngày nghỉ trong năm		
18	Tổng số tiết học kỳ I	618	
19	Tổng số tiết học kỳ II	575	

4.4.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4

Đối với khối lớp 4 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; mỗi ngày 7 tiết; mỗi tiết học 35 phút, thực hiện 9 buổi/tuần

Thực hiện dạy đủ các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc, thực hiện dạy tăng cường thêm môn Tiếng Việt là 1 tiết/1 tuần.

4.5. Đối với lớp 5

4.5.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Ghi chú
Sáng	1	HĐTN	GDTC	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	
	2	Toán	Tin học	Tiếng Việt	Tiếng anh	GDTC	
	3	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán	Toán	Tiếng anh	
	4	Mĩ thuật	Toán	Tiếng anh	Công nghệ	Toán	
	5					HĐTN	
Chiều	1	Đạo đức	Tiếng anh	Khoa học	Khoa học	SHCM (HĐTT)	
	2	Tiếng Việt	GDDP	Lịch sử	Tiếng Việt*		
	3	Độc TV	Địa lý	Âm nhạc	HĐTN		
Tổng số tiết/ tuần: 33 tiết							

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	Tên hoạt động	Số lượng tiết học	Ghi chú
1	Tiếng Việt	245	
2	Toán	175	
3	Tiếng Anh	140	
4	Đạo đức	35	
5	Lịch sử và Địa lí	70	
6	Khoa học	70	
7	Tin học	35	
8	Công nghệ	35	
9	Giáo dục thể chất	70	
10	Nghệ thuật (Âm nhạc)	35	

11	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	35	
12	Hoạt động trải nghiệm	105	
13	Đọc sách tại thư viện	35	
14	Giáo dục địa phương	22	
15	Hoạt động củng cố tăng cường	48	
16	Sinh hoạt chuyên môn	54	
17	Các ngày nghỉ trong năm		
18	Tổng số tiết học kỳ I	618	
19	Tổng số tiết học kỳ II	575	

4.5.2. Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5

Đối với khối lớp 5 thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; mỗi ngày 7 tiết; mỗi tiết học 35 phút, thực hiện 9 buổi/tuần

Thực hiện dạy đủ các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc, thực hiện dạy tăng cường thêm môn Tiếng Việt là 1 tiết/1 tuần.

V. Giải pháp thực hiện.

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Trang bị bàn ghế học sinh đảm bảo tiêu chuẩn bàn ghế học sinh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-B C -BYT ngày 16/6/2011 của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế.

- Xây dựng kế hoạch kinh phí và tổ chức mua sắm thiết bị dạy học mới theo quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT đảm bảo 01 bộ thiết bị tối thiểu/01 lớp theo quy định. Tiếp tục sử dụng những thiết bị hiện có như "Bộ đồ dùng dạy học Tiếng Việt 1, bộ đồ dùng dạy học Toán 1, bộ chữ dạy tập viết, tranh ảnh, bản đồ, dụng cụ đo lường, bộ lắp ghép kĩ thuật".

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tu bổ, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Huy động mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các tổ chức xã hội và sự đóng góp công sức của nhân dân để xây dựng mới, tu sửa kịp thời số phòng học hiện có đảm bảo có đủ 01 phòng học/lớp.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động xã hội hóa giáo dục để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất

tăng cường trang thiết bị trong các lớp học, bổ sung đầu sách, truyện, trang thiết bị xây dựng thư viện tiên tiến.

- Tăng cường và tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Tiếp tục tham mưu tăng cường CSVN phòng Tin học và Ngoại ngữ.

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ.

- Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học theo hướng dẫn tại Công văn số 2033/-SGDĐT ngày 30/7/2024 của Sở GD&ĐT. Đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 và Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ GD&ĐT.

- Xây dựng đội ngũ GV, NV, CBQL cốt cán; Phân công các giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực còn hạn chế để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018;

- Cử GV, NV, CBQL tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng; học tập nâng cao trình độ theo lộ trình hướng dẫn tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP;

- Triển khai hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV, NV, CBQL đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 trên cơ sở khảo sát nhu cầu, yêu cầu thực tiễn;

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế của trường;

- Tăng cường công tác giao lưu, chia sẻ nội sinh hoạt chuyên môn giữa các đơn vị trường.

- Tổ chức các giờ dạy minh họa, các chuyên đề theo nhu cầu của đội ngũ nhằm giải quyết những vướng mắc, khó khăn khi thực hiện chương trình GDPT 2018.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Xây dựng quy trình triển khai dạy học theo CTGDPT 2018.

- Tổ chức nghiên cứu, triển khai đến toàn thể đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nội dung văn bản số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học.

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ, khối, trường, cụm trường 2 buổi/tháng, mỗi buổi 3 tiết, mỗi tiết 45 phút, thực hiện theo quy định tại Văn bản số

1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Nội dung tập trung vào nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, chương trình môn học, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học, nghiên cứu bài học và khai thác các chuyên đề dạy học.

- Tăng cường tổ chức nghiên cứu nội dung mới, nội dung khó để giải quyết những vướng mắc khi thực hiện CTGDPT 2018...

4. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- Làm tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về GDTH; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông trên địa bàn xã, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.

Thực hiện tốt công tác truyền thông. Mỗi tháng viết một tin bài gửi phòng giáo dục.

- Triển khai đổi mới giáo dục tiểu học theo chủ trương của ngành, nhà trường chủ động cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh và nhân dân biết qua các kênh thông tin truyền thông; đồng thời, sẵn sàng lắng nghe và thảo luận các vấn đề mới đang tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau để tạo lập sự đồng thuận và hỗ trợ của xã hội.

- Tuyên truyền về các biện pháp ngăn ngừa các hành vi bạo hành đối với trẻ em, hành vi xâm hại hoặc ứng xử gây tổn thương đến thể chất, tinh thần học sinh.

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của trường, của Ngành, nhất là các hoạt động đổi mới, sáng tạo trong dạy và học, các tấm gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để tạo sự lan tỏa, khích lệ các thầy, cô giáo, các em học sinh phấn đấu vươn lên.

- Nhà trường tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với điều kiện thực tế của tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp. Có thể tổ chức các hoạt động trải nghiệm trực tuyến, tổ chức theo lớp, theo nhóm sao cho hiệu quả với các nội dung sau:

- Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh thông qua hoạt động GDNGLL, Giáo dục kỹ năng sống. Lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối sống, kỹ năng sống, các kỹ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo

lực; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước)...

- Tổ chức giao lưu trò chơi dân gian, hát dân ca: Giao trách nhiệm cho Tổng phụ trách phân công cụ thể cho các khối lớp các trò chơi dân gian, bài hát dân ca phù hợp.

- Tổ chức cho học sinh chăm sóc các gia đình chính sách, tham quan các khu di tích lịch sử, đài tưởng niệm, viếng nghĩa trang liệt sĩ...

- Làm tốt công tác giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống văn hoá lịch sử ở địa phương cho học sinh, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc thông qua công tác tuyên truyền, các hoạt động về nguồn, kỉ niệm các ngày lễ, các sự kiện trọng đại của đất nước như: Phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, “Áo lụa tặng Bà”,...

- Chỉ đạo kịp thời việc dạy học tích hợp, dạy học lồng ghép các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, giáo dục bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, dịch bệnh trong các tiết học.

6. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú

- Tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày. Xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với tình hình địa phương. Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ, hoạt động ngoại khoá; tăng cường kiến thức kỹ năng thông qua các môn học, giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động các câu lạc bộ, phát triển năng lực thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm thực tiễn hoạch trực tiếp cho phù hợp.

- Học sinh học 2 buổi/ngày được tăng cường kiến thức kỹ năng thông qua các môn học, giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động nhằm phát triển năng lực thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm.

- Thực hiện theo Hướng dẫn số 1702/SGDĐT- KHTC ngày 19/6/2024 của Sở GDĐT về công tác tổ chức bếp ăn tập thể trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, áp dụng từ năm học 2024- 2025; tổ chức bữa ăn học đường kết hợp với tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế. Vận động cha mẹ học sinh tự nguyện ủng hộ chủ trương và đóng góp kinh phí để tổ chức cho học sinh ăn trưa theo thực đơn cân bằng dinh dưỡng và nghỉ trưa tại trường. Thực hiện quy định tài chính về thu, chi thỏa thuận với cha mẹ học sinh theo hướng dẫn của cấp trên; công khai hàng ngày số lượng hàng hóa, định mức chi cho việc nấu ăn, phục vụ học sinh bán trú.

- Tổ chức dạy học cả ngày và bán trú thực hiện quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, lưu trữ mẫu thức ăn hàng ngày, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, không sử dụng lương thực, thực phẩm kém chất lượng nấu ăn cho học sinh.

7. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật

- Huy động tối đa số trẻ khuyết tật từ 6 đến 10 tuổi ra lớp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật và chỉ tiêu phổ cập giáo dục tiểu học. Năm học 2024- 2025 nhà trường có 6 học sinh khuyết tật.

- Tiếp tục tạo mọi điều kiện cho trẻ khuyết tật tiếp cận giáo dục theo Luật người khuyết tật năm 2010 và thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT- BGDDT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Lao động thương binh và xã hội- Bộ Tài chính về quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật. Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GD&ĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

- Căn cứ nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT đối với cấp học Tiểu học.

- Dựa vào khả năng nhu cầu của mỗi trẻ khuyết tật đã xác định trong sổ “Theo dõi sự tiến bộ của trẻ” và kế hoạch giáo dục chung.

- Trên cơ sở đó giáo viên điều chỉnh nội dung, chương trình các môn học và phương pháp giáo dục giáo dục một cách phù hợp với từng đối tượng người học.

- Giáo viên dạy môn chuyên biệt đề xuất miễn, giảm một số môn học nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng của cá nhân người học không thể đáp ứng được như môn Tiếng Anh, Thể dục, Tin học, Âm nhạc...

- Giáo viên trong giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật phải tôn trọng và thực hiện các quyền của người khuyết tật, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu thương trẻ khuyết tật, tăng cường tìm hiểu cách giáo dục trẻ khuyết tật. Thường xuyên theo dõi đánh giá sự tiến bộ của trẻ.

- Chủ động phối hợp với tổ, giáo viên dạy chuyên trong việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân, tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân của trẻ khuyết tật.

8. Nâng cao chất lượng dạy học Ngoại ngữ, Tin học

- Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để tổ chức cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 học Tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ GD&ĐT Triển khai thực hiện kế hoạch số 160/-BGDDT ngày 19/02/2024 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai sử dụng hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học đầu tư theo Quyết định số 4374/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2021 của Bộ GD&ĐT. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh theo kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 của Sở GD&ĐT.

- Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GD&ĐT về việc tổ chức dạy học môn tin học chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học).

9. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

- Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp 1 theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 (thời lượng 80 tiết).

- Dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc qua các môn học và hoạt động giáo dục. Thường xuyên rèn kỹ năng nghe, nói (phát âm), viết chính tả cho học sinh lớp 1, 2, 3.

- Tiếp tục triển khai việc thực hiện Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025. Việc dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số sử dụng các tài liệu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt theo: Sách giáo khoa lớp 1 thực hiện như năm học 2020-2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh; lớp 2 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh; lớp 3 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh; lớp 4 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 4699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh; lớp 5 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp. Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường.

- Thực hiện linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh trong quá trình giảng dạy các môn học cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường.

10. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng.

- Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập.

- Giáo viên giao phiếu hướng dẫn học ở nhà cho học sinh cần dành thời gian chăm, chữa bài cho học sinh để rèn kỹ năng cho các em học sinh.

- Khuyến khích các em đăng ký tham gia các lớp phát triển năng khiếu bản thân như: múa, vẽ, thể thao, bơi...

- Tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo trong các tiết học chính khóa và tiết tăng thêm theo hình thức dạy phân hóa đối tượng học sinh.

11. Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh

- Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả việc đánh giá học sinh theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ học tập; vở học tập; đánh giá qua việc quan sát, hỏi đáp và viết. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra theo ma trận theo các mức độ quy định.

- Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học lên lớp; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất đúng quy định, tránh khen thưởng tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

12. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số

12.1. Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các hoạt động Giáo dục của nhà trường.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng thiết bị chuyển đổi số cho giáo viên.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng hệ thống Trường học kết nối, khai thác sử dụng "hành trang số",

- Tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, sự kiện thể thao, giao lưu tiếng Việt, hoạt động câu lạc bộ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội Thiếu niên tiên phong (TNTP) Chí ỉnh, Sao nhi đồng.

- Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và công tác thống kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học, phần mềm EQMS trong cơ sở dữ liệu (csdl.moet.gov.vn), phần mềm phổ cập giáo dục và xóa mù chữ. Thường xuyên khai thác thông tin trên mạng Internet và truy cập Website www.dienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn, Website của các Sở Giáo dục và Đào tạo trong khu vực và trên phạm vi cả nước.

12.2. Tiếp tục triển khai Học bạ số

100% các lớp thực hiện sử dụng học bạ số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030.

13. Tổ chức dạy tích hợp

* Dạy nội dung giáo dục địa phương

- Nội dung giáo dục địa phương lớp 1,2,3,4,5 được dạy học tích hợp trong môn hoạt động trải nghiệm theo hướng dẫn tại Công văn số 99/SGDĐT-GDTH ngày 19/01/2021 của Sở GD&ĐT.

- Chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên được thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

* Dạy nội dung giáo dục ANQP:

Thực hiện nghiêm túc thông tư số: 08/2024/TT-BGDĐT ra ngày 15 tháng 05 năm 2024, Thông tư hướng dẫn giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học. Lồng ghép thông qua nội dung các bài trong các môn học Tiếng Việt, TNXH, đạo đức, LS&ĐL, Nghệ thuật, HĐTN. Chủ đề lồng ghép chung từ lớp 1 đến lớp 5: giáo dục tình yêu quê hương, yêu hòa bình, yêu tổ quốc VN XHCN; niềm tự hào, tự tôn dân tộc; lòng biết ơn các anh hùng, liệt sĩ trong XD và bảo vệ tổ quốc; bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn XH, giới thiệu chủ quyền biển, đảo VN, giáo dục tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau, có ý thức tổ chức kỉ luật trong học tập; và các chủ đề lồng ghép theo từng khối lớp..

* Dạy nội dung giáo dục ATGT:

Thực hiện theo tài liệu “giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh tiểu học” của BGD&ĐT theo quyết định số 4667 – QĐ/BGD&ĐT ngày 24/12/2020. Lồng ghép thông qua nội dung các bài trong các môn học theo chủ đề, chủ điểm: TNXH, hoạt động trải nghiệm.

* Dạy nội dung giáo dục lý tưởng CM:

Sử dụng tài liệu để tổ chức giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học theo hình thức và phương pháp phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng từ đầu năm học. Thực hiện lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học phù hợp với mục tiêu, nội dung và yêu cầu cần đạt của bài học/mạch kiến thức/chủ đề của các môn học, hoạt động giáo dục. Quyết định số 4246/QĐ-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* Dạy nội dung giáo dục quyền con người:

Tích hợp vào các môn học và hoạt động giáo dục; Nội dung tích hợp Một số kiến thức cơ bản về các nguyên tắc, giá trị về quyền con người (bình đẳng, không phân biệt đối xử, khoan dung và tôn trọng sự khác biệt,...); Các quyền con người của trẻ em đã được pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam quy định; Bảo đảm để trẻ em thực hiện được đầy đủ quyền và bổn phận của mình; Không phân biệt đối xử với trẻ em; Bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em; Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ

em; Khi xây dựng chính sách, pháp luật tác động đến trẻ em, phải xem xét ý kiến của trẻ em và của các cơ quan, tổ chức có liên quan; bảo đảm lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và địa phương.

* Nội dung giáo dục kỹ năng công dân số:

Tích hợp vào giảng dạy cho học sinh thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT tại Công văn số 3899/BGDĐTGDTH ngày 30/7/2024.

14. Dạy học giáo dục STEM

- Tiếp tục triển khai giáo dục STEM ở cấp tiểu học theo hướng dẫn tại công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 652/SGDĐT-GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học.

- Hướng dẫn giáo viên sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GD&ĐT.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học theo chủ đề, phân phối chương trình các môn học hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên cần nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học. Trên cơ sở đó, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy, đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp; điều chỉnh thời lượng thực hiện, nguồn học liệu, thiết bị dạy học, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá; xây dựng phân phối chương trình dạy học linh hoạt phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện tổ chức dạy học, đảm bảo các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng :

- Lãnh đạo điều hành toàn bộ công việc của trường, chịu trách nhiệm trước UBND xã Chà Tở và Phòng GD&ĐT Nậm Pồ hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch kiểm tra nội bộ; kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn...

- Tham mưu với chính quyền địa phương và Phòng GD&ĐT về các hoạt động giáo dục của nhà trường, địa phương.

- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị; phát huy dân chủ trong công tác để đạt hiệu quả cao trong các hoạt động quản lý, điều hành.

- Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học. Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ

nhệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Thành lập Ban chỉ đạo hoạt động trải nghiệm. Thành lập Hội đồng tổ chức Kiểm tra định kì; Hội đồng nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh năm học. Hội đồng thi đua khen thưởng. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học, các hoạt động giáo dục.

2. Đối với Phó hiệu trưởng

- Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn toàn trường, thư viện thiết bị, quản lý các phần mềm, hồ sơ công việc liên quan đến các hoạt động giáo dục, tổ chức tập huấn cho CBGVNV Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Chỉ đạo, tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn và các hoạt động liên quan đến giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Duyệt các kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, kế hoạch hoạt động giáo dục.

- Tham mưu với Hiệu trưởng rà soát quy hoạch mạng lưới trường học, trang thiết bị CSVC của nhà trường. Tham mưu cho Hiệu trưởng công tác chuyên môn, bồi dưỡng chất lượng đội ngũ giáo viên, các giải pháp nâng cao chất lượng học sinh, đội ngũ giáo viên.

3. Đối với tổ trưởng chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình (đối với tổ chuyên môn); theo kế hoạch công tác (đối với tổ văn phòng) và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (đối với tổ chuyên môn), tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ (đối với cả tổ chuyên môn và tổ văn phòng) theo kế hoạch của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/ khối theo quy định (2 lần/tháng).

- Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.

- Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM

- Thành lập Ban chỉ huy liên đội, các sao nhi đồng tổ chức và thực hiện mọi hoạt động phong trào của nhà trường;

- Phối kết hợp với ban chuyên môn trường, các tổ khối trưởng chuyên môn, các giáo viên xây dựng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào học sinh của nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch đội, xây dựng bộ tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Đối với giáo viên chủ nhiệm

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.
- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;
- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học/ lớp mình đảm nhiệm;
- Phối kết hợp với các ban, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;
- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

6. Đối với giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch dạy học tuần theo môn học phụ trách, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.
- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;
- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học mình đảm nhiệm;
- Phối kết hợp với các GVCN, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;
- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7. Đối với nhân viên

7.1. Nhân viên Thư viện và Thiết bị

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện + thiết bị;
- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện + thiết bị;
- Tuyên truyền đề CBGV, NV và học sinh tích cực đọc sách;
- Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...

- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.2. Nhân viên Y tế

- Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.

- Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường

- Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGV, NV và học sinh.

- Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khỏe HS, lập sổ sức khỏe, phiếu khám sức khỏe định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDĐT, Bộ Y tế.

- Phối hợp với công ty bảo hiểm phổ biến chế độ bảo hiểm tới GV, HS và phụ huynh HS của nhà trường.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.3. Nhân viên kế toán

- Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.

- Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.

- Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.

- Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.

- Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.

- Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.4. Nhân viên phục vụ

- Đảm bảo tốt vệ sinh môi trường (phòng làm việc, phòng họp, phòng học, hành lang, cầu thang, sân trường, hệ thống thoát nước, các khu vệ sinh của GV và HS, đảm bảo dọn vệ sinh sạch sẽ toàn bộ khuôn viên nhà trường).

- Đảm bảo nước uống, vệ sinh an toàn, đầy đủ cho cán bộ, giáo viên.

- Bảo quản các đồ dùng, dụng cụ được nhà trường trang bị.

- Báo cáo kịp thời tình hình giữ gìn vệ sinh của các bộ phận, các thành viên trong nhà trường. Chủ động khắc phục những việc trong khả năng có thể, kiến nghị kịp thời những vấn đề nằm ngoài khả năng tự giải quyết của cá nhân.

- Phối hợp tốt với bảo vệ và các GVCN để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp tích cực vào việc xây dựng môi trường sư phạm của nhà trường xanh - sạch - đẹp.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.5. Nhân viên bảo vệ

- Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của GV, HS.
- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.
- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 của trường PTDTBT Tiểu học Chà Tở./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- UBND xã (b/c);
- Ban giám hiệu;
- Các tổ chuyên môn;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hồng Nhung

